

Số: **5595**/BKHHĐT-QLKTTW
V/v lấy ý kiến để chuẩn bị lập Đề nghị
xây dựng Luật Doanh nghiệp (sửa đổi)

Hà Nội, ngày **17** tháng **7** năm 2024

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;
- Hiệp hội Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài;
- Hội Luật gia Việt Nam;
- Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Trường Đại học Luật Hà Nội;
- Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhiệm vụ “*Đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp để quy định trách nhiệm, cách thức thực hiện, thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp*”, trình Chính phủ trong Quý IV năm 2024.

Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 09/5/2024 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhiệm vụ “*Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp năm 2020 nhằm khắc phục các bất cập, vướng mắc hiện nay*”.

Để có thông tin xây dựng các báo cáo, tài liệu phục vụ công tác chuẩn bị lập Đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến đánh giá về những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện, áp dụng quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và kiến nghị sửa đổi, bổ sung.

Đề nghị Quý cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiên cứu, rà soát, có ý kiến bằng văn bản về những nội dung nêu trên trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý và hoạt động, gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/8/2024.

Gửi kèm theo là dự thảo lần đầu Báo cáo Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Doanh nghiệp năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan, tổ chức, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Bộ (để tham gia ý kiến);
- Lưu: VT, QLKTTW *C.18*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Duy Đông

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Doanh nghiệp năm 2020

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/6/2020 tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 (thay thế Luật Doanh nghiệp năm 2014); được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2022/QH ngày 10/01/2022.¹

Sau 4 năm tổ chức thực hiện, Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã cơ bản đạt được các mục tiêu hoàn thiện khung khổ pháp lý về tổ chức quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, thu hút nguồn lực đầu tư vào sản xuất kinh doanh; góp phần cải thiện môi trường kinh doanh.

Bối cảnh trong nước và quốc tế thời gian qua có những thay đổi tác động đến thực hiện Luật Doanh nghiệp: Tình hình sản xuất kinh doanh và thu hút đầu tư gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ dịch bệnh, xung đột và những bất ổn kinh tế, chính trị trên thế giới. Sự phát triển của khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, các hình thức kinh doanh mới, việc thực hiện chủ trương mới của Đảng về phát triển bền vững, phát triển đội ngũ doanh nhân trong tình hình mới đặt ra yêu cầu đổi mới chính sách, pháp luật và công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp. Hội nhập và thực hiện cam kết quốc tế, trong đó có cam kết về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đặt ra yêu cầu bổ sung các quy định về trách nhiệm, cách thức thực hiện, thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp. Về hệ thống pháp luật doanh nghiệp và kinh doanh, trong đó có Luật Doanh nghiệp, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được còn có khó khăn, vướng mắc cần được nghiên cứu để rà soát, sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, đặc biệt trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

Bối cảnh nêu trên đặt ra yêu cầu rà soát, đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện Luật Doanh nghiệp năm 2020. Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 09/5/2024 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư

¹ Luật số 03/2020/QH ngày 11/01/2022 sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thi hành án dân sự

nhiệm vụ: “*Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp năm 2020 nhằm khắc phục các bất cập, vướng mắc hiện nay*”. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 phân công Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nhiệm vụ “*Đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp để quy định trách nhiệm, cách thức thực hiện, thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp*”.

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về việc chuẩn bị lập đề nghị xây dựng luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Doanh nghiệp như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020

1. Công tác phổ biến, tuyên truyền Luật

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, và các hiệp hội doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật với nhiều hình thức đa dạng như đăng tải toàn văn các quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, hội thảo chuyên đề, phối hợp với các cơ quan truyền thông đưa tin, bài viết, phóng sự nhằm bình luận, giới thiệu chính sách quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Ngay sau khi Luật có hiệu lực thi hành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phân công, giao nhiệm vụ theo dõi tình hình thực hiện Luật, tham mưu giải đáp, hướng dẫn xử lý các vướng mắc, khó khăn liên quan đến thực hiện Luật bằng các hình thức văn bản, trao đổi trực tiếp và thông qua các công cụ thông tin truyền thông.

Ở cấp độ địa phương, hầu hết các tỉnh, thành phố đều chủ động tìm hiểu những điểm mới của Luật Doanh nghiệp, triển khai nghiêm túc, kịp thời, nhất quán khi luật có hiệu lực thi hành, đảm bảo hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp không bị gián đoạn, xáo trộn; thực hiện nhiều hoạt động để triển khai thi hành Luật Doanh nghiệp như: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến những quy định mới của luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị tập huấn và các hình thức đa dạng khác. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện luật, trước hết là quy trình tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính, hoàn thiện quy chế quản lý doanh nghiệp sau khi thành lập. Tăng cường nguồn lực để kịp thời đáp ứng yêu cầu của luật trong giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến Luật Doanh nghiệp. Nhiều địa phương thực hiện các giải pháp giảm thời gian, chi phí cho thành lập, đăng ký doanh nghiệp. Một số địa phương đạt tỷ lệ áp dụng 100% hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng.

2. Công tác ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật

Luật Doanh nghiệp năm 2020 có 23 điều, khoản giao Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn hoặc thực hiện theo quy định của Chính phủ, bao gồm: Doanh

ngành xã hội (Điều 10); hồ sơ, trình tự, thủ tục, liên thông trong đăng ký doanh nghiệp (Điều 26); hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Điều 30); cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp (Điều 33); đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp; thông báo địa điểm kinh doanh (Điều 45); Ban kiểm soát, Kiểm soát viên công ty TNHH (Điều 65); doanh nghiệp nhà nước (Điều 88); Ban kiểm soát, Kiểm soát viên doanh nghiệp nhà nước (Điều 103, 104); công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước (Điều 109, 110); các loại cổ phần (Điều 114, 116); trái phiếu riêng lẻ (Điều 129); mô hình công ty mẹ, công ty con (Điều 195); phối hợp giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Điều 206); trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp (Điều 208); thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Điều 212); chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (Điều 213); trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước (Điều 215); hệ thống tổ chức Cơ quan đăng ký kinh doanh (Điều 216); tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh (Điều 217); đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh (Điều 217).

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Chính phủ đã ban hành văn bản hướng dẫn về các nội dung:

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp, trong đó quy định hướng dẫn Luật Doanh nghiệp về các nội dung: Cơ quan đăng ký kinh doanh và quản lý nhà nước đối với lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp; hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử; hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giải thể doanh nghiệp, thu hồi chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh.

- Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, trong đó hướng dẫn thực hiện quy định của Luật Doanh nghiệp về khái niệm doanh nghiệp nhà nước, về hoạt động của doanh nghiệp xã hội, nhóm công ty, doanh nghiệp quốc phòng an ninh và công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

- Về doanh nghiệp nhà nước, căn cứ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 5/4/2022 về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

- Về các loại cổ phần và trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của doanh nghiệp không phải công ty đại chúng, căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật

Chứng khoán, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05/3/2023) và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Một số nội dung khác liên quan đến thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp cũng như công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp được quy định hướng dẫn thực hiện tại một số Nghị định của Chính phủ như: Nghị định số 122/2020/NĐ-CP về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp; Nghị định số 122/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư...

Danh mục các Nghị định của Chính phủ ban hành có căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 trình bày tại Phụ lục của Báo cáo.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020

1. Đảm bảo tính cấp thiết, kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu của thực tiễn

Luật Doanh nghiệp năm 2020, các văn bản hướng dẫn và các Luật có liên quan (như Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp) đã hình thành khung khổ pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất về thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của các loại hình doanh nghiệp và hộ kinh doanh ở nước ta.

Sau khi Luật Doanh nghiệp năm 2020 có hiệu lực, Chính phủ đã ban hành các văn bản hướng dẫn (như Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, Nghị định số 47/201/NĐ-CP) đầy đủ, kịp thời, đảm bảo sự tương thích, thống nhất với tinh thần của Luật.

Trong quá trình thực hiện, bản thân Luật Doanh nghiệp và một số văn bản hướng dẫn cũng liên tục được rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc, giúp Luật được thực thi một cách hiệu quả và đầy đủ. Ngay trong năm đầu tiên Luật có hiệu lực, Chính phủ đã chỉ đạo rà soát một số quy định gây khó khăn, vướng mắc cho hoạt động của các doanh nghiệp để kịp thời kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH về những nội dung sau đây:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 49 và Điều 50 Luật Doanh nghiệp nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên.

- Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp về công bố thông tin báo cáo tài chính giữa năm của doanh nghiệp bảo đảm sự thống nhất với Luật

Kế toán và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; đồng thời cắt giảm chi phí không cần thiết cho các doanh nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 217 Luật Doanh nghiệp nhằm xác định rõ hơn đối tượng là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh và áp dụng cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 60, Điều 148 và Điều 158 Luật Doanh nghiệp nhằm quy định rõ hơn thể thức thông qua quyết định quản trị công ty TNHH và công ty cổ phần.

2. Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ quyền tự do kinh doanh của người dân và doanh nghiệp

Kế thừa tinh thần và nội dung của các phiên bản Luật Doanh nghiệp trước đây, Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được cộng đồng doanh nghiệp và người dân đánh giá cao do đã tạo ra những bước đột phá lớn, quan trọng trong các quy định về thành lập, đăng ký doanh nghiệp; nâng cao tiêu chuẩn, chuẩn mực quản trị công ty, bảo vệ nhà đầu tư; thay đổi phương thức quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho các bên liên quan tham gia giám sát hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể:

- Luật tiếp tục thể chế hóa đầy đủ nguyên tắc đảm bảo cho người dân và doanh nghiệp được “tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà luật không cấm”². Theo đó, việc bỏ thông tin về ngành nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được giữ nguyên, giúp khắc phục được tình trạng doanh nghiệp bị hạn chế quyền tự do kinh doanh, chỉ được kinh doanh những ngành, nghề được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Để phục vụ quản lý nhà nước, khi đăng ký thành lập, doanh nghiệp vẫn tự khai ngành nghề kinh doanh dự kiến và trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp phải thông báo về hoạt động kinh doanh mới sau khi đã tiến hành hoạt động kinh doanh đó.

- Về con dấu của doanh nghiệp, bên cạnh những quy định đột phá về con dấu được quy định tại Luật năm 2014 như doanh nghiệp được quyền tự quyết về số lượng, hình thức và nội dung con dấu, Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã chính thức công nhận chữ ký số là dấu của doanh nghiệp, đây là nội dung hoàn toàn mới so với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Ngoài ra, Luật Doanh nghiệp 2020 đã bỏ quy định “*Trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp*”. Những thay đổi trên đã tạo thuận lợi lớn cho doanh nghiệp giúp doanh nghiệp có thêm lựa chọn trong việc sử dụng dấu thay vì chỉ sử dụng con dấu khắc như trước đó. Việc không bắt buộc thông báo mẫu con dấu cũng là một bước đột phá, bởi thực tế trước đó cho thấy, quy định này thực sự không cần thiết, hơn nữa điều này còn làm phát sinh thêm chi phí, thời gian cho doanh nghiệp do phải thực hiện thêm thủ tục. Bãi bỏ thủ tục thông báo mẫu dấu cũng góp phần cắt giảm chi phí gia nhập thị trường theo yêu

² Khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp 2020

cầu tại các nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc.

- Về góp vốn thành lập doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp 2020 đã sửa đổi thời hạn góp vốn điều lệ bằng máy móc, thiết bị, tài sản khi thành lập doanh nghiệp theo hướng quy định thời hạn 90 ngày phải góp đủ vốn Điều lệ không bao gồm thời gian vận chuyển nhập khẩu, thực hiện thủ tục hành chính đối với máy móc, thiết bị và tài sản góp vốn để bảo đảm phù hợp với thực tiễn và tính khả thi của quy định này. Quy định này nhằm giúp nhà đầu tư tránh vi phạm quy định về thời hạn góp vốn do mất quá nhiều thời gian cho việc làm thủ tục nhập khẩu, vận chuyển, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn.

- Về quản trị công ty và bảo vệ nhà đầu tư, Luật Doanh nghiệp 2020 tiếp tục kế thừa tinh thần bảo vệ cổ đông nhỏ tại Luật Doanh nghiệp 2014, nhưng có sự điều chỉnh nhằm phù hợp với thực tiễn. Theo đó, mở rộng mức độ và phạm vi quyền của cổ đông nhằm tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình; giảm yêu cầu điều kiện về tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 10% xuống 5% để cổ đông thực hiện quyền quan trọng, như: tiếp cận thông tin về hoạt động công ty, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông...

Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã bỏ quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp năm 2014 để bảo đảm việc thực hiện các quyền của cổ đông không làm ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường của doanh nghiệp. Luật đã bỏ sung một số quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong việc huy động vốn như bỏ sung quy định về Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết; sửa đổi quy định có liên quan về phát hành riêng lẻ trái phiếu của doanh nghiệp không phải đại chúng cho tương thích với Luật Chứng khoán 2019.

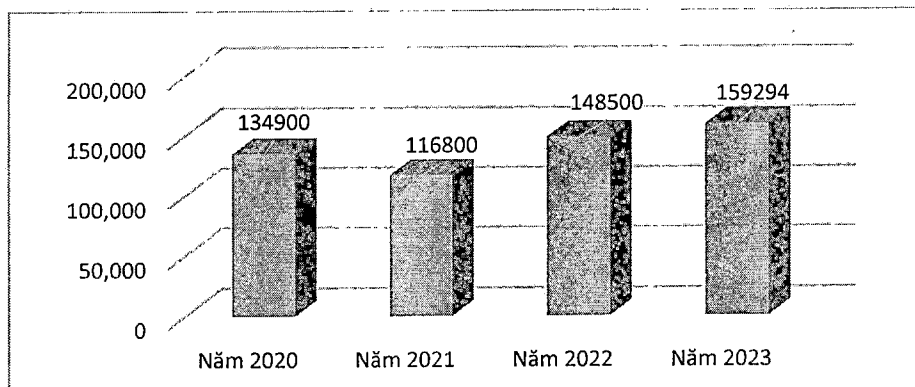
- Về doanh nghiệp nhà nước, Luật đã thể chế hóa đầy đủ quan điểm của Đảng về khái niệm doanh nghiệp nhà nước tại Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017, theo đó, doanh nghiệp nhà nước bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Đồng thời, nhằm nâng cao yêu cầu về quản trị đối DNNN, Luật đã bỏ sung quy định để mở rộng phạm vi đối tượng người có liên quan không được làm thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc hoặc tổng giám đốc DNNN; quy định DNNN phải thành lập Ban Kiểm soát thay vì trước đó có thể thành lập hoặc không theo Luật năm 2014; DNNN có trách nhiệm công khai hóa thông tin cao hơn so với doanh nghiệp thông thường với 2 chế độ công bố thông tin định kỳ và bất thường.

3. Tác động tích cực đến tình hình phát triển doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

Từ năm 2021 đến 2023, số lượng doanh nghiệp thành lập mới và số vốn đăng ký tăng nhanh thể hiện những đóng góp của Luật Doanh nghiệp trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính trong đăng ký thành lập doanh nghiệp: Năm 2021, cả

nước có 116.839 doanh nghiệp thành lập mới (vốn đăng ký 1.611.109 tỷ đồng); năm 2022 là 148.533 doanh nghiệp (vốn đăng ký 1.590.860 tỷ đồng); năm 2023 là 159.294 doanh nghiệp (vốn đăng ký 1.521.259 tỷ đồng). Quý I năm 2024 có 34.590 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 471.215 tỷ đồng.

Hình 1. Số lượng đăng ký thành lập doanh nghiệp 2020-2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Những cải cách mạnh mẽ trong Luật Doanh nghiệp đã được ghi nhận góp phần quan trọng vào việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của nước ta. Theo Bảng xếp hạng Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của VCCI, chỉ số gia nhập thị trường bình quân cả nước năm 2021 đạt 6,84 điểm, năm 2022 đạt 6,98 điểm, năm 2023 tăng lên 7,31 điểm.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG THỰC HIỆN LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020

[Đề nghị các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp cung cấp thông tin và có đánh giá cụ thể về nội dung này]

Theo phản ánh của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp, vẫn còn có khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc này chủ yếu do một số quy định chưa rõ ràng, chưa cụ thể dẫn tới cách hiểu khác nhau trong quá trình áp dụng Luật, bên cạnh đó, một số quy định chưa hợp lý hoặc không còn phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

Phụ lục của Báo cáo trình bày danh mục các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 có khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện, cơ bản bao gồm 03 nhóm vấn đề sau đây:

a) Những vấn đề chung

- Việc áp dụng Luật Doanh nghiệp và các luật chuyên ngành về nội dung liên quan đến thành lập, tổ chức, quản lý và hoạt động của doanh nghiệp chưa rõ ràng, chưa thống nhất, ví dụ vấn đề phát hành trái phiếu riêng lẻ của các doanh nghiệp không phải công ty đại chúng.

- Luật chưa quy định giải thích thuật ngữ “người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp” gây khó khăn trong việc xác định và xử lý các giao dịch kinh doanh giữa đối tượng này với doanh nghiệp.

- Quy định của Luật Doanh nghiệp về chức năng, nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa đầy đủ so với Bộ luật Dân sự. Quy định về xác lập chức danh, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế người đại diện theo pháp luật chưa rõ ràng, ví dụ, có ý kiến phản ánh Luật Doanh nghiệp không quy định rõ doanh nghiệp phải bổ nhiệm hay không cần bổ nhiệm chức danh Người đại diện theo pháp luật.

- Quy định về tiêu chí, tình trạng pháp lý, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội chưa đủ rõ.

- Quy định về các hành vi bị nghiêm cấm chưa cụ thể, chưa đầy đủ, chưa rõ các biện pháp xử lý vi phạm.

- Quy định về giám sát, kiểm tra và quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập chưa chặt chẽ; chưa cập nhật các công cụ và hình thức quản lý thông qua xây dựng, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp...

b) Về thành lập và đăng ký doanh nghiệp

- Luật Doanh nghiệp quy định chưa cụ thể các biện pháp ngăn ngừa và xử lý tình trạng góp vốn không, vốn ảo, đầu tư chui, đầu tư núp bóng, giả mạo hồ sơ, giấy tờ pháp lý thành lập doanh nghiệp với mục đích mua, bán hóa đơn...

- Việc thực hiện quy định về góp vốn bằng quyền sử dụng đất và các tài sản không phải tiền mặt còn có khó khăn, vướng mắc.

- Một số quy định thành lập doanh nghiệp chưa đủ rõ như quy định về đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp, tham gia quản lý doanh nghiệp, yêu cầu áp dụng mã số cá nhân, tài khoản định danh điện tử khi đăng ký doanh nghiệp, trách nhiệm thông báo khi có thay đổi trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp....

c) Về tổ chức quản lý, quản trị doanh nghiệp

Một số quy định của Luật Doanh nghiệp về cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị doanh nghiệp chưa thống nhất, chưa rõ ràng, gây ra cách hiểu khác nhau, trước hết là quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc, tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục thông qua quyết định, nghị quyết của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng giám đốc, Kiểm soát viên/Ban Kiểm soát trong công ty TNHH và công ty cổ phần.

IV. ĐỊNH HƯỚNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT DOANH NGHIỆP

1. Mục tiêu, quan điểm

Tiếp tục thực hiện các mục tiêu hoàn thiện khung khổ pháp lý về tổ chức quản trị doanh nghiệp đạt chuẩn mực quốc tế; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp,

thu hút đầu tư vào sản xuất kinh doanh; góp phần nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh.

2. Yêu cầu xây dựng Luật

- Tiếp tục kế thừa, phát huy kết quả và tác động tốt của các cải cách trong các phiên bản Luật doanh nghiệp trước đây về việc hiện thực hóa đầy đủ quyền tự do kinh doanh theo nguyên tắc doanh nghiệp được quyền kinh doanh tất cả ngành nghề mà pháp luật không cấm hoặc không hạn chế.

- Bảo đảm thi hành đầy đủ và nhất quán những cải cách của Luật Doanh nghiệp gắn với việc thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới; về sắp xếp, đổi mới cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước; về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế và thực hiện cam kết quốc tế.v.v.

3. Định hướng xây dựng Luật

3.1. Sửa đổi, bổ sung các điều khoản có khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện và áp dụng Luật Doanh nghiệp

[Trên cơ sở tổng hợp, rà soát kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương, VCCI, các hiệp hội doanh nghiệp, sẽ xác định cụ thể các điều khoản của Luật Doanh nghiệp cần sửa đổi, bổ sung, thay thế. Dự kiến sơ bộ sẽ bao gồm 02 nhóm nội dung chính:

(1) Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy định bất hợp lý, có mâu thuẫn pháp luật, hoặc không còn phù hợp với yêu cầu của thực tiễn

(2) Sửa đổi, bổ sung các quy định chưa rõ, có cách hiểu khác nhau]

3.2. Bổ sung quy định về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp để thực hiện cam kết quốc tế

a) Căn cứ

Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 23/2/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đề ra nhiệm vụ: “*Thiết lập cơ chế thu thập, cập nhật lưu trữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi có liên quan đến tất cả các pháp nhân và thỏa thuận pháp lý (bao gồm cả pháp nhân phi thương mại và thỏa thuận pháp lý nước ngoài). Trong đó, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định về chủ sở hữu hưởng lợi tại Luật Doanh nghiệp*”.

b) Dự kiến phương án bổ sung Luật Doanh nghiệp

- Bổ sung quy định về khái niệm Chủ sở hữu hưởng lợi (CSHHL) của doanh nghiệp dựa trên quy định liên quan tại Luật Phòng, chống rửa tiền; tiêu chí xác

định CSHHL của từng loại hình doanh nghiệp theo mức tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp (ví dụ từ 25% trở lên) để xác định cá nhân là CSHHL của doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, bổ sung quy định về việc doanh nghiệp nộp và kê khai hồ sơ, nội dung thông tin về CSHHL, cập nhật kịp thời khi có thay đổi; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin CSHHL, cập nhật khi có thay đổi về CSHHL (Điều 8 Luật Doanh nghiệp)

- Bổ sung trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật và CSHHL trong việc kê khai và cập nhật thông tin về CSHHL (Điều 12 Luật Doanh nghiệp).

- Bổ sung quy định về quy trình, thủ tục kê khai, cách thức thu thập thông tin về CSHHL; bổ sung thông tin CSHHL tại thành phần hồ sơ đăng ký, thông báo thay đổi đăng ký doanh nghiệp... (Điều 19, 20, 21, 22 Luật Doanh nghiệp); quy định về thời hạn nộp, kê khai thông tin CSHHL.

- Bổ sung quy định về thời hạn, quy trình, thủ tục nộp, kê khai các thông tin về CSHHL theo hướng: Đối với doanh nghiệp thành lập mới, có thể tích hợp thông tin về CSHHL với Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp đang hoạt động, có thể quy định thời hạn kê khai thông tin về CSHHL (ví dụ 6 tháng hay 1 năm sau khi Luật này có hiệu lực).

- Bổ sung quy định về xây dựng hệ thống thu thập thông tin CSHHL, cơ chế lưu trữ, chia sẻ với các cơ quan nhà nước có liên quan trong lĩnh vực phòng chống rửa tiền: Bổ sung quy định về hệ thống thông tin CSHHL là một cấu phần của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; bổ sung quy định về chế độ lưu giữ tài liệu của doanh nghiệp; bổ sung quy định về trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến thu thập, chia sẻ thông tin về CSHHL.

- Bổ sung quy định về nội dung điều lệ công ty phải thông tin CSHHL (Điều 24 Luật Doanh nghiệp).

- Nội dung khác: Hạn chế/cấm phát hành cổ phiếu vô danh và áp dụng chức danh Giám đốc danh nghĩa theo thông lệ quốc tế.

Phụ lục
MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH
THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020

TT	Quy định tại Luật Doanh nghiệp	Khó khăn, vướng mắc
1.	Điều 3: Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó.	Không rõ cơ sở pháp lý khi Luật khác không quy định đầy đủ các nội dung liên quan đến thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động của doanh nghiệp
2.	Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp quy định giải thích từ ngữ “ <i>người có liên quan</i> ” của doanh nghiệp.	Luật DN chưa quy định giải thích từ ngữ “ <i>người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp</i> ”, dẫn tới vướng mắc trong việc xác định các hợp đồng giao dịch giữa doanh nghiệp với người có liên quan của cá nhân người quản lý doanh nghiệp cần được chấp thuận trước khi ký kết (Điều 67,86,167).
3.	Khoản 1 Điều 12 quy định về Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp	<p>Luật Doanh nghiệp mới quy định người đại diện theo pháp luật có quyền “<i>thực hiện</i>” giao dịch của doanh nghiệp, chưa quy định rõ về quyền “<i>xác lập</i>” giao dịch theo quy định tại Bộ luật Dân sự.</p> <p>Luật Doanh nghiệp chưa quy định rõ người đại diện theo pháp luật được chỉ định theo điều lệ doanh nghiệp hay cần phải có quyết định bổ nhiệm chức danh này, dẫn tới khó khăn, vướng mắc trong việc xác định thời điểm một cá nhân được coi là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; ảnh hưởng tới việc giao kết hợp đồng, sử dụng tài khoản...</p> <p>Luật chưa quy định rõ biện pháp xử lý trong trường hợp người đại diện theo pháp luật (duy nhất) xuất cảnh khỏi Việt Nam nhưng không có văn bản ủy quyền cho cá nhân khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.</p>
4.	Theo khoản 3 Điều 14 Luật DN, Chủ sở hữu là tổ chức được cử nhiều người đại diện theo ủy quyền và phải xác	Luật DN không có quy định về mối quan hệ, vai trò quản lý của người đại diện theo ủy quyền so với thành viên

TT	Quy định tại Luật Doanh nghiệp	Khó khăn, vướng mắc
	<p>định cụ thể phân vốn góp cho mỗi người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>Theo Điều 80 và 81, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty sẽ nhân danh Chủ sở hữu công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty</p>	Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty
5.	Điểm c khoản 1 Điều 31 quy định doanh nghiệp phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi thay đổi nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Luật chưa quy định rõ về “nội dung khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp” dẫn tới khó khăn vướng mắc trong thực hiện, ví dụ: hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm điều lệ công ty, tuy nhiên, không rõ có phải thông báo cơ quan đăng ký kinh doanh về việc thay đổi điều lệ hay không
6.	Điều 44: Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp”.	Theo quy định tại Điều 84 Bộ luật Dân sự, chi nhánh không có chức năng đại diện theo ủy quyền, chủ thể được đại diện theo ủy quyền được xác định là cá nhân người đứng đầu Chi nhánh. Tuy nhiên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, chi nhánh có chức năng đại diện theo ủy quyền.
7.	Khoản 5 Điều 47 và khoản 5 Điều 113 quy định về việc góp vốn/mua cổ phần để thành lập công ty và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp/cổ phần.	Phát sinh vấn đề liên quan đến việc xử lý phần vốn góp/ cổ phần được dùng làm tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty không ghi nhận thông tin cổ đông/thành viên góp vốn trên Sổ đăng ký cổ đông/Sổ thành viên
8.	Khoản 3 Điều 48 quy định: “ <i>Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi thành viên trong sổ đăng ký thành viên theo yêu cầu của thành viên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty</i> ”	Luật chưa quy định rõ về việc “cập nhật kịp thời”, cách thức cập nhật, thời điểm cập nhật và người chịu trách có nhiệm vụ cập nhật thay đổi thành viên.
9.	Điểm d khoản 2 Điều 49 quy định thành viên, nhóm thành viên sở hữu từ 10% số vốn điều lệ trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do điều lệ công ty có quyền: “ <i>d) Yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc họp Hội đồng thành viên, nếu trình tự, thủ tục, điều kiện</i>	Vướng mắc: Thành viên có tỷ lệ phần vốn góp thấp không có quyền được độc lập yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định, nghị quyết của Hội đồng thành viên dù cuộc họp Hội đồng thành viên thực hiện theo trình tự, thủ tục không đúng (ví dụ như, không gửi thông báo mời họp cho thành viên công ty).

TT	Quy định tại Luật Doanh nghiệp	Khó khăn, vướng mắc
	<i>cuộc họp hoặc nội dung nghị quyết, quyết định đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật này và Điều lệ công ty.”</i>	
10.	Điểm c và h, khoản 1 Điều 49 quy định thành viên Hội đồng thành viên có các quyền: “c) Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; h) Quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.”	Quy định chưa rõ về việc các thành viên có được quyền thỏa thuận việc chia lợi nhuận theo tỷ lệ khác với tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên tại Điều lệ công ty hay không.
11.	Khoản 2 Điều 55 quy định các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên. Khoản 1 Điều 55 quy định Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.	Chưa rõ quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên đối với các vấn đề mà Điều 55 Luật Doanh nghiệp cũng như Điều lệ công ty không quy định. Đối với các vấn đề của công ty mà không được Luật Doanh nghiệp hay Điều lệ công ty quy định rõ thuộc quyền hạn của Hội đồng thành viên hay Tổng giám đốc thì Hội đồng thành viên có thể quyết nghị/quyết định được không? Và hiệu lực của các quyết nghị/quyết định đó như thế nào?
12.	Khoản 3 Điều 68 và khoản 5 Điều 112 quy định các trường hợp giảm vốn điều lệ công ty TNHH hai thành viên trở lên và công ty cổ phần.	Vướng mắc trong trường hợp góp vốn/cổ phần bằng quyền sử dụng đất có thời hạn (ví dụ góp vốn trong thời hạn 20 năm): Sau khi hết thời hạn góp vốn thì ai có quyền sử dụng đất? bên góp vốn hay bên nhận góp vốn? việc thay đổi vốn điều lệ được xác định thế nào? Trường hợp doanh nghiệp sử dụng quyền sử dụng đất đó để thế chấp ngân hàng vay vốn thì quyền lợi của ngân hàng ra sao?
13.	Khoản 4 Điều 79, điểm i khoản 2 Điều 63 và điểm i khoản 3 Điều 163 quy định về cơ cấu tổ chức quản lý của công ty TNHH, công ty cổ phần.	Quy định không rõ, dẫn tới cách hiểu rằng Luật cho phép Điều lệ công ty quy định về các quyền, nghĩa vụ khác so với Luật.
14.	Khoản 4 Điều 80 quy định về triệu tập họp Hội đồng thành viên của công ty TNHH một thành viên áp dụng như	Quy định này khó thực hiện bởi vì thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên không được

TT	Quy định tại Luật Doanh nghiệp	Khó khăn, vướng mắc
	triệu tập họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH hai thành viên trở lên.	Luật quy định rõ về tỷ lệ sở hữu vốn nắm giữ như công ty TNHH hai thành viên trở lên.
15.	<p>Khoản 1 Điều 81 Luật DN quy định: <i>“Chủ tịch công ty do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm. Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ công ty, Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan”</i>.</p> <p>Theo khoản 3 Điều 81 LDN: <i>“Quyết định của Chủ tịch công ty về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty có hiệu lực kể từ ngày được chủ sở hữu công ty phê duyệt, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác”</i>.</p>	Việc phân định thẩm quyền của Chủ sở hữu công ty và Chủ tịch công ty chưa rõ ràng, dẫn đến cách hiểu rằng trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác, không thì toàn bộ hoạt động của Chủ tịch công ty nhân danh Chủ sở hữu phải thông qua sự phê duyệt của Chủ sở hữu công ty.
16.	Điểm b khoản 7 Điều 98 quy định về phương thức bỏ phiếu trắng.	Luật chưa quy định rõ thuật ngữ “phiếu trắng” và các trường hợp áp dụng phiếu trắng
17.	Điểm d khoản 1 Điều 109 quy định: <i>“Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; thời hạn công bố phải trước ngày 31 tháng 07 hàng năm; bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có)”</i> .	Nhiều DNNN lớn theo mô hình công ty mẹ - công ty con phản ánh khó thực hiện thời hạn nộp Báo cáo tài chính trước 31/7 hàng năm
18.	Điều 47, Điều 75, Điều 113 yêu cầu phải góp vốn/thanh toán cổ phần đã cam kết góp vốn/đăng ký mua cổ phần trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp GCNĐKDN.	Khó khăn trong việc xác định góp vốn thêm/mua thêm cổ phần chào bán có thuộc trường hợp tăng vốn điều lệ hay không? Các bên được thỏa thuận thời hạn thanh toán đối với phần vốn góp/cổ phần được phát hành để tăng vốn điều lệ của công ty hay không ?

TT	Quy định tại Luật Doanh nghiệp	Khó khăn, vướng mắc
19.	Điểm d khoản 2 Điều 114 quy định cổ phần ưu đãi bao gồm “ <i>cổ phần ưu đãi khác theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật về chứng khoán</i> ”.	Chưa rõ cổ phần ưu đãi khác là cổ phần nào? nội dung ưu đãi là gì?
20.	Điều 128 quy định về điều kiện phát hành trái phiếu riêng lẻ đối với công ty cổ phần chưa phải là công ty đại chúng.	Luật chưa quy định rõ nội hàm các điều kiện phát hành trái phiếu (ví dụ điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính)
21.	Điểm a khoản 2 Điều 138 quy định: Đại hội đồng cổ đông có thể “ <i>thông qua định hướng phát triển của công ty</i> ” Điểm a, e và g khoản 2 Điều 153 quy định: Hội đồng quản trị có quyền quyết định “ <i>chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty</i> ”, “ <i>quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư theo thẩm quyền</i> ”, “ <i>quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ</i> ”	Luật chưa phân định rõ ràng về thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
22.	Khoản 2 Điều 139 quy định: “ <i>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</i> ”.	Khó khăn đối với DNNN là công ty cổ phần trong việc áp dụng quy định thời hạn 04 tháng bởi vì phải thực hiện quy trình xin ý kiến nội bộ của cơ quan đại diện chủ sở hữu, các cơ quan liên quan.
23.	Điểm a khoản 2 Điều 146: “ <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc</i>	Vướng mắc trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng muốn ủy quyền cho thành viên khác của Hội đồng quản trị chủ tọa cuộc họp, nhưng Luật DN không quy định về nội dung này. Luật cũng không quy định rõ việc cho phép Điều lệ công ty có thể quy định cụ thể các trường hợp Chủ tịch Hội

TT	Quy định tại Luật Doanh nghiệp	Khó khăn, vướng mắc
	<p><i>đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</i></p> <p>Khoản 4 Điều 156: <i>“Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty...”</i></p>	<p>đồng quản Trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
24.	<p>Điểm a và d khoản 2 Điều 155 quy định về thành viên độc lập HĐQT: <i>“a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; ...d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty”</i>.</p>	<p>Khó khăn trong việc xác định tiêu chí “gián tiếp sở hữu cổ phần”. Đồng thời, không rõ người lao động/nhân viên của cổ đông lớn có đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên độc lập HĐQT hay không?</p>
25.	<p>Điểm a khoản 3 Điều 167 và khoản 4 Điều 167 quy định các giao dịch/hợp đồng cần sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Chưa rõ trường hợp công ty chào bán cổ phần riêng lẻ cho nhà đầu tư là cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ có phải là giao dịch cần chấp thuận của Đại Hội đồng cổ đông hay không?</p>

DANH SÁCH GỬI VĂN BẢN

Các tổ chức chính trị - xã hội theo Hiến pháp 2013

Công đoàn Việt Nam

Hội nông dân Việt Nam

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Hội cựu chiến binh Việt Nam

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam